|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:      /2018/TT-BGTVT | *Hà Nội, ngày      tháng 01 năm 2018* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ**

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số*[*12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=107/2012/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=20/12/2012&eday=20/12/2012)*của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số*[*46/2015/NĐ-CP ngày 12  tháng 5 năm 2015*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=114/2010/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=06/12/2010&eday=06/12/2010)*của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số*[*11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=24/02/2010&eday=24/02/2010)*của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số*[*100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=03/9/2013&eday=03/9/2013)*của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=24/02/2010&eday=24/02/2010)*của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=24/02/2010&eday=24/02/2010)*của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số*[*10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=10/2013/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=11/01/2013&eday=11/01/2013)*của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số*[*18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=18/2012/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=13/3/2012&eday=13/3/2012)*của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ, Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP về Quỹ bảo trì đường bộ,  Nghị định số 28/2016/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2014/NĐ-CP và Nghị định số 18/2012/NĐ-CP về Quỹ bảo trì đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số*[*15/2015/NĐ-CP ngày 14  tháng 02 năm 2015*](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=108/2009/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=27/11/2009&eday=27/11/2009)*của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ,*

**Chương 1.**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về quản lý và bảo trì công trình đường bộ, bao gồm quy trình bảo trì và khai thác công trình đường bộ; nội dung quản lý và tổ chức thực hiện bảo trì công trình đường bộ.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bảo trì công trình đường bộ là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đường bộ theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác, sử dụng. Nội dung bảo trì công trình đường bộ có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình đường bộ.

2. Quy trình bảo trì công trình đường bộ là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

3. *Hệ thống đường trung ương* bao gồm quốc lộ và các tuyến đường bộ khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

4. *Hệ thống đường địa phương* bao gồm đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị và đường khác thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

5. *Cơ quan quản lý đường bộ*là Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. *Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ* là doanh nghiệp dự án BOT, doanh nghiệp dự án khác và doanh nghiệp được Nhà nước giao đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình đường bộ.

7. Chủ sở hữu công trình đường bộ là cá nhân, tổ chức có quyền sở hữu công trình đường bộ theo quy định của pháp luật;

Đối với công trình đường bộ thuộc sở hữu nhà nước, chủ sở hữu là Nhà nước; đối với công trình đường bộ chuyên dùng, chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu đường bộ chuyên dùng theo quy định của pháp luật.

8. *Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ*là các tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng thực hiện một hoặc một số công việc bảo trì và khai thác công trình, đường bộ. Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ bao gồm: nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ; nhà thầu thi công sửa chữa và các nhà thầu khác tham gia thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

9. Người quản lý, sử dụng công trình đường bộ là chủ sở hữu công trình đường bộ trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng công trình đường bộ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu công trình đường bộ ủy quyền quản lý, sử dụng công trình đường bộ trong trường hợp chủ sở hữu không trực tiếp quản lý sử dụng công trình đường bộ.

Người quản lý, sử dụng công trình đường bộ thuộc sở hữu nhà nước là cơ quan quản lý đường bộ; Người quản lý sử dụng công trình đường bộ đầu tư theo hình thức đối tác công tư là Doanh nghiệp dự án, trừ hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT); Người quản lý sử dụng công trình đường bộ chuyên dùng là tổ chức, cá nhân chủ sở hữu đường bộ chuyên dùng.

**Điều 3. Yêu cầu về quản lý, bảo trì công trình đường bộ**

1. Công trình đường bộ khi đưa vào khai thác, sử dụng phải được quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định tại Luật Xây dựng, Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số [11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=24/02/2010&eday=24/02/2010)của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Nghị định số [100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=03/9/2013&eday=03/9/2013)của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010,](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=24/02/2010&eday=24/02/2010) Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=24/02/2010&eday=24/02/2010)của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Nghị định số [10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=10/2013/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=11/01/2013&eday=11/01/2013)của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Nghị định số [46/2015/NĐ-CP ngày 12  tháng 5 năm 2015](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=114/2010/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=06/12/2010&eday=06/12/2010)của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và quy định tại Thông tư này.

2. Bảo trì công trình đường bộ phải thực hiện theo quy định của quy trình bảo trì, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì công trình đường bộ được cơ quan có thẩm quyền công bố áp dụng. Tổ chức thực hiện bảo trì theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Thông tư này.

3. Quy trình bảo trì công trình đường bộ được lập phù hợp với các bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, loại công trình (đường, cầu, hầm, bến phà, cầu phao và công trình khác), cấp công trình và mục đích sử dụng công trình.

Quy trình bảo trì được thể hiện rõ ràng, công khai bằng tiếng Việt trên giấy, đĩa từ hoặc các phương tiện khác. Trường hợp quy trình bảo trì của công trình đầu tư xây dựng bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) do tổ chức tư vấn, nhà thầu nước ngoài lập bằng tiếng Anh, chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án có trách nhiệm dịch ra tiếng Việt trước khi bàn giao công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

4. Việc quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ phải bảo đảm giao thông an toàn và thông suốt, an toàn cho người và tài sản, an toàn công trình, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

5. Việc quản lý, bảo trì các công trình dưới đây được thực hiện theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật khác có liên quan, cụ thể:

a) Đối với công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị: thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

b) Đối với công trình cấp điện, đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông: thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo trì loại công trình, thiết bị đó; công tác quản lý, trồng và chăm sóc cây xanh, thảm cỏ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Đối với thiết bị lắp đặt vào công trình: thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất, cung cấp thiết bị và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Đối với công trình chống va trôi, chỉnh trị dòng chảy và các công trình có liên quan đến chuyên ngành đường thủy nội địa, thủy lợi và các công trình khác: thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

**Điều 4. Nội dung bảo trì công trình đường bộ**

1. Kiểm tra công trình đường bộ

a)  Việc kiểm tra công trình đường bộ có thể bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng;

b) Kiểm tra công trình đường bộ bao gồm kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt và các trường hợp cần thiết khác; kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo trì công trình.

2. Quan trắc công trình đường bộ

a) Quan trắc công trình đường bộ là hoạt động theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biển đổi về hình học, biến dạng, chuyển dịch và các thông số kỹ thuật khác của công trình và môi trường xung quanh theo thời gian.

b) Quan trắc công trình đường bộ phục vụ công tác bảo trì bắt buộc phải được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Các công trình đường bộ quan trọng quốc gia theo phân loại của Luật Đầu tư công;

- Công trình đường bộ khi xảy ra sự cố có thể dẫn tới thảm họa theo quy định tại Phụ lục số I Thông tư này;

- Công trình đường bộ có dấu hiệu lún, nứt, nghiêng và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập, đổ công trình;

c) Các bộ phận cần quan trắc, nội dung quan trắc, yêu cầu đối với công tác quan trắc công trình trong quá trình khai thác sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Kiểm định xây dựng công trình đường bộ là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình đường bộ hoặc công trình đường bộ thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.

Kiểm định chất lượng công trình phục vụ công tác bảo trì được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Kiểm định định kỳ theo quy trình bảo trì công trình đã được phê duyệt;

b) Khi phát hiện thấy chất lượng công trình có những hư hỏng của một số bộ phận công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng; Khi kết quả quan trắc công trình đường bộ vượt quá giá trị cho phép cần đánh giá về an toàn chịu lực và an toàn vận hành khai thác công trình đường bộ.

c) Khi có yêu cầu đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình phục vụ cho việc lập quy trình bảo trì đối với những công trình đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì;

d) Khi cần có cơ sở để quyết định việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với các công trình đã hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc cải tạo, nâng cấp công trình;

đ) Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng;

e) Kiểm định chất lượng xác định nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng của bộ phận công trình, công trình xây dựng và kiểm định để xác định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; kiểm định vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, sản phẩm xây dựng theo quy định của Bộ Xây dựng.

4. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ là các hoạt động theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ; được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình đường bộ ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình đường bộ. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ được thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì và kế hoạch bảo trì hằng năm được duyệt.

5. Sửa chữa công trình đường bộ là các hoạt động khắc phục hư hỏng của công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đường bộ. Sửa chữa công trình đường bộ bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất :

a) Sửa chữa định kỳ công trình đường bộ bao gồm sửa chữa hư hỏng hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì;

b) Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

Việc sửa chữa đột xuất do bão, lũ, lụt thực hiện theo quy định của Bộ GTVT về phòng, chống, khắc phục hậu quả bão, lũ lụt trong ngành đường bộ.

**Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về quản lý, bảo trì công trình đường bộ**

1. Trách nhiệm của Tổng cục Đường bộ Việt Nam:

a) Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước về quản lý, bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi cả nước;

b) Tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì hệ thống đường trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

c) Kiểm tra các Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải trong việc quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm giao thông  an toàn, thông suốt; bảo đảm quy định của quy trình bảo trì, quy trình vận hành khai thác, tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy định của pháp luật và kế hoạch bảo trì được giao;

d) Kiểm tra các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ được giao quản lý sử dụng công trình trong việc quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường trung ương;

đ) Hàng năm, tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do các Cục Quản lý đường bộ và Sở Giao thông vận tải báo cáo, báo cáo Bộ Giao thông vận tải theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

e) Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông khẩn cấp trên các tuyến đường thuộc hệ thống đường trung ương trong trường hợp cần thiết;

Tổ chức thực hiện đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá  trình khai thác đối với hệ thống đường trung ương;

g) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên hệ thống đường trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Đình chỉ hoạt động thu giá sử dụng đường bộ của các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác công trình đường bộ thuộc hệ thống đường bộ trung ương, khi công trình đường bộ hư hỏng xuống cấp không bảo đảm an toàn trong khai thác, sử dụng.

h) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của các Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải trong việc quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì hệ thống đường trung ương thuộc phạm vi quản lý:

a) Trực tiếp tổ chức thực hiện việc quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với các tuyến đường, bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt;

Kiểm tra công trình đường bộ thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc sửa chữa, bảo dưỡng và các công việc khác; Đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Thực hiện kế hoạch bảo trì được giao; Lựa chọn và ký kết hợp đồng với nhà thầu bảo trì công trình đường bộ theo quy định của pháp luật; tổ chức giám sát, kiểm tra nhà thầu bảo trì công trình đường bộ thực hiện các nội dung quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo đảm giao thông và bảo vệ môi trường; bảo đảm các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì và quy định của Thông tư này; lập, lưu trữ và bảo quản hồ sơ tài liệu phục vụ bảo trì công trình;

c) Tổng hợp và lập báo cáo tình hình quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi quản lý; báo cáo các công trình đường bộ đã đưa vào khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì; báo cáo kịp thời đối với công trình có dấu hiệu hư hỏng không bảo đảm an toàn trong khai thác, sự cố công trình và các công trình hết thời hạn sử dụng;

d) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam trước ngày 10 tháng 01 hàng năm;

đ) Thông báo cho chủ đầu tư để yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị thực hiện bảo hành đối với các công trình xây dựng trong thời hạn bảo hành; Thông báo cho nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị thực hiện bảo hành đối với công trình sửa chữa được giao làm chủ đầu tư theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

e) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, bảo vệ, khai thác sử dụng và bảo trì công trình đường bộ;

g) Đình chỉ nhà thầu thi công trên tuyến đường đang khai thác khi có vi phạm nội dung giấy phép thi công trên đường bộ, vi phạm việc đảm bảo giao thông, an toàn giao thông;

h) Thực hiện quyền, trách nhiệm của người quản lý, sử dụng công trình  trong quản lý, bảo vệ, khai thác sử dụng và bảo trì đường bộ theo quy định của Thông tư này, quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải đối với hệ thống đường địa phương:

a) Căn cứ quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hệ thống đường địa phương; tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định của pháp luật;

c) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý, gửi về Tổng cục Đường bộ Việt Nam trước ngày 10 tháng 01 hàng năm;

d) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác quản lý và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã: thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì các tuyến đường huyện, đường xã và đường khác trên địa bàn theo quy định cửa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định của pháp luật; hàng năm báo cáo Sở Giao thông vận tải tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

5. Trách nhiệm của các nhà thầu quản lý, bảo dưỡng, khai thác công trình, quan trắc và các hoạt động khác để bảo trì công trình đường bộ:

a) Thực hiện việc quản lý, bảo dưỡng công trình đường bộ được giao theo quy định của Thông tu này, quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc quy trình bảo trì công trình, quy trình khai thác (đối với các công trình có quy trình khai thác), nội dung quy định trong hợp đồng ký với cơ quan quản lý đường bộ (hoặc chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ) và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Báo cáo cơ quan quản lý đường bộ (hoặc chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ) về tình hình quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ theo quy định của Thông tư này và quy định của tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên, quy trình bảo trì và quy định khác có liên quan.

6. Trách nhiệm của doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ:

a) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý đường bộ và các cơ quan có thẩm quyền trong việc tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ do mình quản lý, bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt và đúng quy định của pháp luật;

b) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Thông tư này, quy định của pháp luật có liên quan;

c) Định kỳ, đột xuất báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với công trình đường bộ thuộc hệ thống đường trung ương), Sở Giao thông vận tải (đối với công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương) về tình hình quản lý, khai thác và bảo trì công trình do mình quản lý theo quy định của Thông tư này và các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Ngoài việc thực hiện quy định tại các điểm a, b và c khoản 6 Điều này, doanh nghiệp dự án BOT, doanh nghiệp dự án khác chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án về việc thực hiện Dự án phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư và các điều kiện thỏa thuận trong Hợp đồng dự án.

7. Chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng có trách nhiệm thực hiện các quy định tại điểm a, điểm b khoản 6 Điều này và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, sửa chữa công trình đường bộ đang khai thác:

a) Trong suốt thời gian thực hiện dự án, chủ đầu tư, nhà thầu thi công có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông, bảo đảm vệ sinh môi trường, trực đảm bảo giao thông, tham gia xử lý khi có tai nạn giao thông và sự cố công trình theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Khi dự án xây dựng công trình đã hoàn thành nhưng chưa bàn giao, chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện việc bảo trì công trình đường bộ cho đến khi bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình đường bộ. Khi bàn giao công trình đã hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao hồ sơ bảo trì công trình cho cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình đường bộ khi bàn giao công trình đưa vào khai thác theo quy định tại Khoản 8 Điều 40 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

c) Bảo hành công trình:

- Trong thời gian bảo hành công trình, chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị có trách nhiệm bảo hành công trình theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

- Khi nhận được thông báo của cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình đường bộ về các hư hỏng, khiếm khuyết của công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị thực hiện bảo hành.

- Nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị chịu trách nhiệm thực hiện bảo hành phần việc do mình thực hiện sau khi nhận được thông báo yêu cầu bảo hành của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình đối với các hư hỏng phát sinh trong thời gian bảo hành và chịu mọi chi phí liên quan đến thực hiện bảo hành.

- Các nội dung khác về bảo hành công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 125 Luật Xây dựng, Điều 35 và Điều 36 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP

d) Chấp hành việc xử lý, thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

**Chương 2.**

**QUY TRÌNH BẢO TRÌ VÀ QUY TRÌNH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 6. Trách nhiệm lập quy trình bảo trì công trình đường bộ**

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình đường bộ:

a) Nhà thầu thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế 3 bước), nhà thầu thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 1 hoặc 2 bước) có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình, bộ phận công trình do mình thiết kế cùng với hồ sơ thiết kế; cập nhật quy trình bảo trì cho phù hợp với các nội dung thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng (nếu có) trước khi nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng;

b) Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Trường hợp nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung cấp thiết bị quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này không lập được quy trình bảo trì, chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật để lập quy trình bảo trì và có trách nhiệm chi trả chi phí tư vấn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Đối với các công trình đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng tổ chức lập  quy trình bảo trì công trình đường bộ.

3. Trường hợp không bắt buộc phải lập quy trình bảo trì riêng cho từng công trình đường bộ và trường hợp đã có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp thì  thực hiện theo quy định tại các khoản 3 và 4 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

**Điều 7. Nội dung và căn cứ lập quy trình bảo trì công trình đường bộ**

1. Nội dung quy trình bảo trì công trình đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Căn cứ lập quy trình bảo trì công trình đường bộ bao gồm:

a) Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình;

b) Quy trình bảo trì của công trình tương tự (nếu có);

c) Hồ sơ thiết kế (kể cả hồ sơ thiết kế điều chỉnh, nếu có), chỉ dẫn kỹ thuật thi công xây dựng công trình;

d) Chỉ dẫn của nhà sản xuất, cung cấp và lắp đặt thiết bị vào công trình;

đ) Điều kiện tự nhiên nơi xây dựng công trình;

e) Kinh nghiệm quản lý, sử dụng công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình;

g) Các quy định có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Đối với công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, ngoài quy định tại khoản 2 Điều này, việc lập quy trình bảo trì còn phải căn cứ vào hồ sơ hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công và khả năng khai thác thực tế của công trình.

**Điều 8. Thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ**

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình đường bộ, việc thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Trường hợp Bộ Giao thông vận tải là chủ đầu tư dự án, Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì công trình cấp I, cấp đặc biệt; Tổng cục Đường bộ Việt Nam thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì các công trình đường bộ, trừ các công trình do Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt.

Trường hợp dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP), Chủ đầu tư dự án phải thỏa thuận quy trình bảo trì với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án trước khi phê duyệt quy trình bảo trì.

Đối với dự án đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải thỏa thuận quy trình bảo trì đối với cấp đặc biệt, đường cấp I; Tổng cục Đường bộ Việt Nam thỏa thuận quy trình các công trình đường bộ, trừ các công trình Bộ Giao thông vận tải thỏa thuận.

2. Đối với các công trình đã đưa vào khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì, trách nhiệm thẩm định, phê duyệt như sau:

a) Đối với hệ thống đường trung ương sử dụng Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương, vốn ngân sách nhà nước, vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước; Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì những công trình sau: đường cấp đặc biệt, hầm đường bộ sử dụng thiết bị thông gió và công trình cầu cấp đặc biệt, cấp I, công trình cầu, hầm sử dụng công nghệ mới, kết cấu mới, vật liệu mới;

Tổng cục Đường bộ Việt Nam thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì đối với các công trình đường bộ sử dụng Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương, vốn ngân sách nhà nước, vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước, trừ các công trình do Bộ Giao thông vận tải phê duyệt;

b) Đối với hệ thống đường địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc tổ chức thẩm định, phê duyệt hoặc phân cấp thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì công trình, đường bộ;

c) Đối với các công trình đường bộ đầu tư xây dựng và khai thác theo hình thức đối tác công tư, doanh nghiệp dự án (nhà đầu tư) có trách nhiệm tổ chức, thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì sau khi đã thỏa thuận với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án.

Trường hợp Bộ Giao thông vận tải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thẩm quyền thỏa thuận quy trình bảo trì thực hiện được thực hiện như đối với dự án đầu tư xây dựng mới, dự án cải tạo, nâng cấp công trình đường bộ;

d) Đối với đường chuyên dùng, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và quy định của Thông tư này.

3. Tổ chức có trách nhiệm phê duyệt quy trình bảo trì có thể thuê tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình, trước khi phê duyệt.

**Điều 9. Điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường bộ trong quá trình khai thác, sử dụng**

Việc điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường bộ trong quá trình khai thác, sử dụng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì điều chỉnh theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Đối với công trình đường bộ đầu tư theo hình thức đối tác công tư, khi điều chỉnh quy trình, nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp dự án phải thỏa thuận với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án trước khi phê duyệt điều chỉnh.

Trường hợp điều chỉnh quy trình bảo trì của công trình đầu tư theo hình thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thẩm quyền thỏa thuận thực hiện theo quy định tại Điều 8.

**Điều 10. Quy trình khai thác công trình đường bộ**

1. Quy trình khai thác công trình đường bộ là các chỉ dẫn, hướng dẫn của tư vấn thiết kế, nhà cung cấp thiết bị, công nghệ quy định cách thức, trình tự, nội dung khai thác và sử dụng công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình nhằm bảo đảm cho việc khai thác công trình đúng công suất, công năng, bảo đảm an toàn, duy trì tuổi thọ công trình, thiết bị công trình theo thiết kế.

Nội dung quy trình khai thác công trình đường bộ phải bảo đảm bao quát các quy định về tổ chức giao thông, tải trọng khai thác, tốc độ, thành phần xe, bố trí làn xe, trình tự lên, xuống bến phà, cầu phao, trình tự vận hành thiết bị lắp đặt vào công trình, các quy định về cứu hộ, an toàn cháy nổ và các nội dung khác có liên quan.

2. Các công trình bắt buộc phải có quy trình khai thác:

a) Cầu quay, cầu cất, cầu có sử dụng thiết bị nâng, hạ;

b) Bến phà đường bộ, cầu phao đường bộ;

c) Hầm đường bộ có sử dụng thiết bị để phục vụ quản lý, khai thác công trình;

d) Thiết bị công nghệ lắp đặt tại trạm thu phí;

đ) Thiết bị công nghệ lắp đặt tại trạm kiểm tra tải trọng xe;

e) Hệ thống giám sát giao thông, thiết bị công nghệ điều khiển giao thông;

g) Các trường hợp khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình.

3. Trách nhiệm trong việc lập, thẩm định, phê duyệt quy trình khai thác, điều chỉnh quy trình khai thác thực hiện như đối với quy trình bảo trì công trình đường bộ quy định tại các Điều 6, 8 và Điều 9 của Thông tư này.

4. Căn cứ lập quy trình khai thác, gồm:

a) Hồ sơ thiết kế;

b) Công năng, công suất, đặc điểm, tính chất thiết bị lắp đặt trong công trình;

c) Sổ tay, tài liệu hướng dẫn, đào tạo vận hành thiết bị và công trình;

d) Các quy định về bảo đảm giao thông, an toàn giao thông, an toàn lao động và bảo vệ môi trường;

đ) Các nội dung khác theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư này.

**Điều 11. Tài liệu phục vụ quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ**

1. Các tài liệu phục vụ quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ, bao gồm:

a) Các văn bản pháp lý, các biên bản nghiệm thu có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng và hoàn thành công trình đưa vào khai thác sử dụng;

b) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (kể cả thiết kế điều chỉnh, nếu có);

c) Bản vẽ hoàn công;

d) Các tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành thiết bị, dây chuyền công nghệ lắp đặt vào công trình (nếu có);

đ) Hồ sơ cọc mốc đã đền bù giải phóng mặt bằng thực tế; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công trình hạ tầng phục vụ quản lý công trình đường bộ, nếu có; hệ thống cọc mốc hành lang an toàn đường bộ;

e) Hồ sơ tài liệu thẩm tra an toàn giao thông (nếu có);

g) Quy trình bảo trì; quy trình khai thác công trình (nếu có);

h) Hồ sơ tài liệu về tổ chức giao thông (nếu có);

i) Hồ sơ trạng thái ban đầu (trạng thái “0”) của các công trình cầu, hầm (nếu có).

k) Nhật ký tuần đường, hồ sơ lý lịch cầu, hầm, hồ sơ đăng ký đường bộ, bình đồ duỗi thẳng; các tài liệu thống kê báo cáo tình hình khai thác công trình đường bộ; các băng, đĩa ghi hình, chụp ảnh về tình trạng công trình và các tài liệu sao chụp khác;

l) Các biên bản, văn bản xử lý vi phạm hành chính liên quan đến đất dành cho đường bộ (nếu có);

m) Các tài liệu liên quan đến kiểm tra, kiểm định, quan trắc, sửa chữa và các hoạt động khai thác, bảo trì công trình đường bộ;

n) Số liệu đếm xe trên đường bộ, lưu lượng xe qua phà, cầu phao.

2. Trách nhiệm lập, cung cấp, tiếp nhận các hồ sơ tài liệu trong giai đoạn đầu tư xây dựng để phục vụ khai thác và bảo trì công trình đường bộ như sau:

a) Đối với công trình đường bộ được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; chủ đầu tư tổ chức lập, bàn giao tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và điểm i của khoản 1 Điều này cho cơ quan quản lý đường bộ trước khi đưa công trình vào khai thác, sử dụng. Khi bàn giao, bên giao và bên nhận phải kiểm tra xác định tình trạng hồ sơ bàn giao và lập danh mục hồ sơ bàn giao;

b) Đối với các dự án sửa chữa công trình đường bộ do mình làm chủ đầu tư; cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Đối với công trình đường bộ đang khai thác, nhà thầu bảo trì công trình đường bộ chịu trách nhiệm lập hồ sơ tài liệu theo quy định tại các điểm k, l, m và điểm n khoản 1 Điều này và chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng.

**Chương 3.**

**QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 12. Nội dung công tác quản lý công trình đường bộ**

1. Quản lý, sử dụng bản vẽ hoàn công, quy trình bảo trì công trình đường bộ.

2. Lập, quản lý sử dụng hồ sơ trong giai đoạn khai thác công trình đường bộ.

3. Tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Theo dõi, cập nhật tình trạng hư hỏng, xuống cấp công trình đường bộ.

5. Tổ chức giao thông, trực đảm bảo giao thông, đếm xe, xử lý khi có tai nạn giao thông và khi có sự cố công trình.

6. Công tác quản lý tải trọng xe, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích lưu thông trên đường bộ được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

**Điều 13. Quản lý, sử dụng bản vẽ hoàn công, quy trình bảo trì công trình đường bộ**

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ:

a) Lưu giữ bản gốc bản vẽ hoàn công, quy trình bảo trì và hồ sơ tài liệu khác sau khi nhận của chủ đầu tư dự án xây dựng theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này;

b) Sao chụp bản vẽ hoàn công, quy trình bảo trì và các hồ sơ tài liệu khác để bàn giao cho nhà thầu bảo trì công trình đường bộ;

c) Chỉ đạo nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trách nhiệm của nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình: lưu trữ, sử dụng bản vẽ hoàn công, quy trình bảo trì công trình, quy trình khai thác (nếu có) và các tài liệu được giao để quản lý, khai thác và bảo trì công trình.

3. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng thực hiện trách nhiệm như quy định đối với cơ quan quản lý đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này đối với công trình đường bộ do mình quản lý.

**Điều 14. Lập, quản lý, sử dụng hồ sơ trong giai đoạn bảo trì công trình đường bộ**

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ:

a) Chỉ đạo, kiểm tra các nhà thầu trong giai đoạn bảo trì thực hiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Lưu trữ, sử dụng hồ sơ tài liệu trong giai đoạn bảo trì theo quy định của Thông tư này.

2. Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình có trách nhiệm, lập, quản lý và sử dụng các hồ sơ tài liệu sau:

a) Hồ sơ lý lịch cầu, hầm, hồ sơ đăng ký đường bộ; cập nhật, bổ sung tình trạng thay đổi công trình cầu, hầm, đường bộ;

b) Lập hồ sơ quản lý (bình đồ duỗi thẳng) hành lang an toàn đường bộ; định kỳ 3 tháng một lần cập nhật, bổ sung các phát sinh về tình hình vi phạm, giải tỏa, tháo dỡ công trình vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đất của đường bộ; lập hồ sơ quản lý vị trí đấu nối và các công trình thiết yếu trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ;

c) Ghi nhật ký tuần đường (đối với đường và cầu, cống); ghi sổ hoặc nhật trình khai thác hầm, bến phà, cầu phao, cầu quay, cầu cất và các công trình đặc thù khác;

d) Lập báo cáo tình hình quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

đ) Lập, quản lý và sử dụng các hồ sơ tài liệu khác theo quy định của tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì và quy trình bảo trì được duyệt.

3. Trách nhiệm của các nhà thầu khác:

a) Nhà thầu khảo sát thiết kế, nhà thầu thi công sửa chữa công trình có trách nhiệm lập hồ sơ khảo sát, thiết kế, bản vẽ hoàn công và thực hiện các nội dung khác theo quy định của phát luật đối với dự án xây dựng công trình đường bộ;

b) Nhà thầu kiểm định, kiểm tra, quan trắc công trình lập báo cáo kết quả thực hiện theo đề cương được duyệt; thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư xây dựng công trình,

4. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng thực hiện trách nhiệm như quy định đối với cơ quan quản lý đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này đối với công trình đường bộ do mình quản lý.

**Điều 15. Tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ công trình đường bộ**

1. Trách nhiệm của cơ quan trực tiếp quản lý đường bộ:

a) Tổ chức tuần kiểm đường bộ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

b) Thực hiện các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số [11/2010/NĐ-CP,](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1) Nghị định số [100/2013/NĐ-CP, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP, Nghị định số 10/2013/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1)và quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả lũ lụt, bão theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và các quy định của Thông tư này;

c) Thực hiện các nội dung về quản lý, bảo trì công trình đường bộ theo quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, quy định tại Thông tư này, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì , quy trình bảo trì công trình đường bộ và quy định khác có liên quan;

d)Tổ chức lập, trình kế hoạch bảo trì theo quy định của pháp luật; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án sửa chữa công trình đường bộ theo quy định của pháp luật; tổ chức lập dự toán bảo dưỡng công trình đường bộ, nhiệm vụ và dự toán kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng phục vụ công tác bảo trì công trình đường bộ được giao quản lý và thực hiện các công việc có liên quan khác theo quy định của pháp luật; tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch bảo trì và ký kết hợp đồng với nhà thầu thực hiện bảo trì công trình;

đ) Kiểm tra, giám sát các đơn vị quản lý, bảo trì và khai thác công trình đường bộ thực hiện quy định của pháp luật và hợp đồng.

2. Trách nhiệm của nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và vận hành khai thác công trình đường bộ:

a) Tổ chức tuần tra, kiểm tra và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

b) Thực hiện các nội dung khác về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số [11/2010/NĐ-CP,](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1) Nghị định số [100/2013/NĐ-CP, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP, Nghị định số 10/2013/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1)và quy định của Bộ Giao thông vận tải; thực hiện phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão theo quy định của pháp luật và quy định của Thông tư này;

c) Thực hiện các nội dung về quản lý, bảo dưỡng, vận hành, khai thác công trình đường bộ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình đường bộ và hợp đồng ký với cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ và Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ.

3. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng thực hiện trách nhiệm như quy định đối với cơ quan quản lý đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này đối với công trình đường bộ do mình quản lý.

Trường hợp Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ tự thực hiện công việc quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 16. Theo dõi, cập nhật tình trạng hư hỏng, xuống cấp công trình đường bộ**

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ:

a) Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất và đánh giá tình trạng hư hỏng, xuống cấp của công trình;

b) Kiểm tra, giám sát đôn đốc nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Cập nhật, tổng hợp tình hình hư hỏng các công trình thuộc phạm vi quản lý để xây dựng kế hoạch bảo trì, báo cáo cấp có thẩm quyền và tổ chức sửa chữa, khắc phục hư hỏng để đảm bảo giao thông đường bộ an toàn, thông suốt.

2. Trách nhiệm của nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình:

a) Theo dõi thường xuyên và cập nhật tình trạng chất lượng các công trình được giao quản lý, kịp thời phát hiện các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình;

b) Lập báo cáo định kỳ hàng quý về tình hình chất lượng công trình đường bộ được giao quản lý, bảo dưỡng; báo cáo đột xuất khi xuất hiện hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình;

c) Thực hiện các công việc khác theo quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì công trình đường bộ và hợp đồng ký với cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ và Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ.

3. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng thực hiện trách nhiệm như quy định đối với cơ quan quản lý đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này đối với công trình đường bộ do mình quản lý.

Trường hợp Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ tự thực hiện công việc quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 17. Tổ chức giao thông, trực đảm bảo giao thông, đếm xe và xử lý khi có tai nạn giao thông, xử lý khi có sự cố công trình đường bộ**

1. Tổ chức giao thông:

a) Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan có liên quan khác trong công tác tổ chức giao thông, nội dung công tác tổ chức giao thông thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Giao thông đường bộ;

b) Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu thi công sửa chữa trên đường bộ đang khai thác có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số [11/2010/NĐ-CP,](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1) Nghị định số [100/2013/NĐ-CP, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1)và quy định, của Bộ Giao thông vận tải;

c) Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ có trách nhiệm thực hiện các công việc về tổ chức giao thông theo quy định của hợp đồng quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ.

2. Trực đảm bảo giao thông:

a) Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ trong việc trực đảm bảo giao thông và thực hiện biện pháp đảm bảo giao thông khi có ùn tắc giao thông, sự cố công trình;

b) Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng trên đường bộ đang khai thác, nhà thầu thi công sửa chữa công trình đường bộ có trách nhiệm trực đảm bảo giao thông và thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông đối với các đoạn đường đang thi công trong các trường hợp: mặt đường bị thắt hẹp, các đoạn đường phải sử dụng đường tránh, cầu tạm, đường tràn và ngầm trên bộ; các vị trí nguy hiểm và ùn tắc giao thông; thực hiện các quy định về vệ sinh môi trường;

c) Các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện việc trực đảm bảo giao thông, trực phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

d) Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng thực hiện trách nhiệm như quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này.

3. Đếm xe:

a) Cơ quan quản lý đường bộ chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này của nhà thầu; tổng hợp, lưu giữ số liệu đếm xe trên các tuyến đường trong phạm vi quản lý;

b) Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung sau: đếm xe trên đường bộ, lập sổ theo dõi số phương tiện tham gia giao thông đi trên từng chuyến phà, số chuyến phà trong ngày, tháng, quý và năm; báo cáo kết quả đếm xe cho cơ quan quản lý đường bộ;

c) Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ có trách nhiệm tổ chức đếm xe đối với tuyến đường được giao quản lý khai thác, báo cáo kết quả đếm xe cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án, cơ quan quản lý đường bộ; Trường hợp Doanh nghiệp tự tổ chức đếm xe thì thực hiện theo điểm b khoản 3 Điều này.

d) Việc đếm xe hàng năm theo kế hoạch bảo trì. Nội dung đếm xe thực hiện theo Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình bảo trì được duyệt.

4. Khi có tai nạn giao thông xảy ra, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật Giao thông đường bộ.

5. Sự cố công trình đường bộ trong thời gian khai thác

a) Việc phân loại sự cố công trình, báo cáo về sự cố công trình, giải quyết sự cố công trình đường bộ, giám định nguyên nhân sự cố và hồ sơ sự cố thực hiện theo quy định tại các Điều 46, 47, 48, 49 và 50 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

b) Khi có sự cố công trình trên hệ thống đường trung ương, ngoài việc thực hiện báo cáo sự cố công trình theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình đường bộ, nhà thầu bảo trì đường bộ phải báo cáo ngay cho Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

**Chương 4.**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 18. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ**

1. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn của Quỹ bảo trì đường bộ) gồm kế hoạch bảo trì hàng năm được lập theo quy định tại Điều này; kế hoạch bảo trì theo kỳ kế hoạch tài chính - ngân sách được lập để làm cơ sở lập kế hoạch tài chính theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Nội dung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ bao gồm các công việc: bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa công trình đường bộ, kiểm tra, kiểm định chất lượng, quan trắc công trình (nếu có) và các nội dung khác theo quy định của pháp luật. Kế hoạch bảo trì phải có các thông tin: Danh mục, hạng mục công trình; khối lượng chủ yếu, kinh phí thực hiện; quy mô sửa chữa, bảo trì chủ yếu; thời gian, phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ được lập theo Biểu mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì hàng năm đối với hệ thống đường trung ương sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn Quỹ bảo trì đường bộ) :

a) Hàng năm, căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, định mức kinh tế - kỹ thuật, nội dung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ và các quy định có liên quan; Tổng cục Đường bộ Việt Nam lập, trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 30 tháng 5 kế hoạch nhu cầu năm sau về bảo trì hệ thống đường trung ương sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Trong đó sắp xếp danh mục công việc theo thứ tự ưu tiên cần thực hiện;

b) Trước ngày 30 tháng 6, Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận kế hoạch nhu cầu bảo trì năm sau và xác định danh mục công trình cần chuẩn bị đầu tư trên cơ sở dự kiến khả năng bố trí vốn;

c) Căn cứ vào danh mục công việc bảo trì năm sau được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận trong kế hoạch nhu cầu; Tổng cục Đường bộ Việt Nam cho phép chuẩn bị đầu tư; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình; duyệt dự toán chi phí bảo dưỡng thường xuyên và các công việc khác trong danh mục bảo trì được chấp thuận hoàn thành trước ngày 01 tháng 11;

d) Căn cứ các nội dung được duyệt tại điểm c khoản này và nội dung kế hoạch bảo trì quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp, trình Bộ Giao thông vận tải kế hoạch bảo trì năm sau trước ngày 15 tháng 11.

đ) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền giao hoặc thông báo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước bao gồm cả kinh phí quản lý bảo trì đường bộ; Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì năm sau.

3. Việc phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường bộ địa phương sử dụng các nguồn vốn ngân sách của địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định của pháp luật.

4. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn nhà nước:

a) Kế hoạch bảo trì có thể được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

b) Bộ Giao thông vận tải quyết định việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì hệ thống đường bộ trung ương sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn của Quỹ bảo trì trung ương) trong quá trình thực hiện theo đề nghị  của Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Khi cần bổ sung công trình sửa chữa, công việc bảo trì khác ngoài kế hoạch bảo trì đã phê duyệt, Tổng cục Đường bộ Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương, tổng hợp kế hoạch bảo trì bổ sung, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

c) Đối với từng danh mục bảo trì, Tổng cục Đường bộ Việt Nam được phép điều chỉnh phạm vi, quy mô, kinh phí, giải pháp kỹ thuật khi phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật và giá trị dự toán các công việc bảo trì; Nhưng không vượt kinh phí trong kế hoạch bảo trì hoặc kế hoạch bảo trì điều chỉnh đã được phê duyệt, trừ trường hợp sửa chữa kết cấu chịu lực của cầu, phà, hầm, cống và các công trình xây dựng.

d) Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì hệ thống đường địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

5. Việc lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch bảo trì đối với công trìnhđường bộ do doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác nhưng không theo hình thức đối tác công tư thực hiện như sau: doanh nghiệp tổ chức lập, trình Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt trong trường hợp sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước để quản lý bảo trì; doanh nghiệp tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch bảo trì trong trường hợp sử dụng vốn của doanh nghiệp.

6. Đối với công trình đầu tư theo hình thức đối tác công tư (trừ hình thức Xây dựng - Chuyển giao), kế hoạch bảo trì và chi phí bảo trì công trình đường bộ hằng năm được quy định trong Hợp đồng dự án, làm căn cứ cho việc bảo trì công trình đường bộ trong giai đoạn khai thác công trình. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm, gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án để thỏa thuận trước khi phê duyệt triển khai thực hiện.

Trường hợp Hợp đồng dự án chưa quy định kế hoạch bảo trì, chi phí bảo trì công trình đường bộ hoặc có quy định nhưng không phù hợp quy định của pháp luật về lập, quản lý, sử dụng chi phí bảo trì công trình xây dựng, không phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt, định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án căn cứ quy định của pháp luật về lập, quản lý, sử dụng chi phí bảo trì công trình xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt, định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để điều chỉnh, bổ sung vào Hợp đồng dự án.

7. Việc lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.”

**Điều 19. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ**

1. Đối với hệ thống đường trung ương do Bộ Giao thông vận tải quản lý, việc thực hiện kế hoạch bảo trì như sau:

a) Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm được phê duyệt, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải  và các tổ chức có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định;

b) Trường hợp công trình đường bộ do doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải đầu tư xây dựng và quản lý khai thác nhưng không theo hình thức Hợp đồng dự án, doanh nghiệp căn cứ kế hoạch bảo trì được duyệt để tổ chức triển khai thực hiện theo quy định;

c) Bộ Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm  b khoản 1 Điều này và các trường hợp là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì hệ thống đường địa phương do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định.

3. Thực hiện bảo trì đối với công trình đầu tư xây dựng và quản lý khai thác theo hình thức đối tác công tư

a) Việc thực hiện bảo trì đối với công trình đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và bảo trì theo hình thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này;

b) Doanh nghiệp dự án căn cứ quy trình bảo trì, kế hoạch và chi phí bảo trì quy định tại khoản 6 Điều 18 của Thông tư này để tổ chức thực hiện bảo trì công trình đường bộ, bảo đảm giao thông an toàn và thông suốt.

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án có trách nhiệm tổ chức giám sát, kiểm tra doanh nghiệp dự án thực hiện bảo trì theo đúng kế hoạch bảo trì quy định trong Hợp đồng dự án, phát hiện và xử lý doanh nghiệp dự án nếu có vi phạm quy định về quản lý và bảo trì công trình đường bộ theo quy định của pháp luật và Hợp đồng dự án đã ký kết.

4. Đối với công trình đường bộ chuyên dùng, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do mình đầu tư và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

5. Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ thuộc hệ thống đường trung ương sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn của Quỹ bảo trì trung ương) :

a) Đối với công trình, bộ phận công trình bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất như gió, mưa bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy nổ hoặc những tác động đột xuất khác dẫn đến công trình đường bộ có nguy cơ sập, đổ công trình, ách tắc hoặc không đảm bảo an toàn giao thông cần thiết phải tiến hành sửa chữa khẩn cấp mà không có trong kế hoạch bảo trì được phê duyệt; Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam quyết định phê duyệt và tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo an toàn giao thông và an toàn công trình;

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí ,phương thức thực hiện và hoàn thiện hồ sơ theo quy định đối với trường hợp sửa chữa đột xuất quy định tại điểm a khoản này; báo cáo Bộ Giao thông vận tải để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì hàng năm.

c) Đối với các công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn trong khai thác sử dụng, Tổng cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kiểm tra xem xét để bổ sung kế hoạch bảo trì hàng năm như quy định tại điểm b khoản 4 Điều 18 Thông tư này.

**Điều 20. Kiểm tra công trình đường bộ, bảo dưỡng thường xuyên công trình, sửa chữa , đánh giá sự an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình khai thác sử dụng công trình đường bộ**

1. Cơ quan quản lý đường bộ, Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, Chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức việc kiểm tra công trình, bảo dưỡng thường xuyên công trình và sửa chữa công trình theo quy trình bảo trì được phê duyệt và tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì nếu đủ điều kiện năng lực hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

2. Kiểm tra công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 1 Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và quy định tại quy trình bảo trì công trình được duyệt, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và khoản 1 Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và quy định tại quy trình bảo trì công trình được duyệt, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng công trình và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Sửa chữa công trình bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

a) Sửa chữa định kỳ công trình bao gồm sửa chữa hư hỏng hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan;

b) Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư này.

5. Thời hạn sử dụng công trình, thời hạn sửa chữa định kỳ

a) Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình đường bộ (tuổi thọ thiết kế) là khoảng thời gian công trình được dự kiến sử dụng, đảm bảo yêu cầu về an toàn và công năng. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng, nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 15 Điều 3 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và phải được quy định trong nhiệm vụ thiết kế theo quy định tại khoản 4 Điều 80 Luật Xây dựng và điểm đ khoản 3 Điều 18 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Trường hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế công trình không quy định thời hạn sử dụng công trình để xác định thời hạn sửa chữa định kỳ mặt đường hoặc chưa đủ cơ sở để xác định thời hạn sửa chữa định kỳ thì tham khảo thời hạn sử dụng tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; thời hạn sửa chữa, thay thế định kỳ thiết bị lắp đặt vào công trình, thời hạn sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình khác theo quy định của thiết kế hoặc quy định trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan

b) Thời hạn sử dụng thực tế của công trình (tuổi thọ thực tế) là khoảng thời gian công trình được sử dụng thực tế kể từ khi đưa vào khai thác, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và công năng theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Thời hạn sử dụng thực tế của công trình đường bộ thay đổi so với thời hạn sử dụng theo thiết kế do các nguyên nhân: Tình trạng khai thác, vận hành và sử dụng công trình đường bộ; lưu lượng, tải trọng các phương tiện tham gia giao thông tác động lên công trình, bộ phận công trình đường bộ; các hư hỏng đột xuất; tình hình và kết quả thực hiện các công việc quản lý, bảo trì công trình, hạng mục công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình, chất lượng khi đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

c) Trường hợp tuổi thọ sử dụng thực tế công trình đường bộ ngắn hơn tuổi thọ theo thiết kế, cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải tổ chức kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng (nếu cần) để xác định nguyên nhân giảm tuổi thọ sử dụng thực tế để có biện pháp sửa chữa, khắc phục.

d) Công trình hết tuổi thọ theo thiết kế nếu tiếp tục sử dụng phải thực hiện các nội dung quy định tại Điều 24 Thông tư này.

6. Đánh giá sự an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình khai thác sử sụng công trình đường bộ

a) Đánh giá sự an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình khai thác sử sụng công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

b) Nội dung, tần suất đánh giá được quy định trong quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật (nếu có) hoặc quy trình bảo trì công trình đường bộ.

Đối với đánh giá, thẩm tra an toàn giao thông thực hiện theo quy định của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP và quy định của Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 21. Quản lý chất lượng trong công tác bảo trì công trình đường bộ**

1. Nguyên tắc chung;

a) Cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng, người quản lý sử dụng công trình, chủ đầu tư dự án bảo trì công trình đường bộ, nhà thầu bảo trì công trình đường bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bảo trì công trình đường bộ chịu trách nhiệm trong việc quản lý chất lượng công tác bảo trì theo đúng quy định của pháp luật, quy định của Bộ Giao thông vận tải;

.b) Việc quản lý chất lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện theo quy định của Bộ Giao thông vận tải về giám sát, nghiệm thu khối lượng và chất lượng;

c) Việc quản lý chất lượng công tác sửa chữa định kỳ và đột xuất (bao gồm tất cả các công việc khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt, thi công, giám sáy nghiệm thu) được thực hiện theo các quy định pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

d) Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn, tổ chức kiểm tra việc quản lý chất lượng của các chủ thể liên quan; tổ chức ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chí đánh giá nghiệm thu chất lượng, định mức kinh tế kỹ thuật liên quan công tác bảo trì    

2. Quản lý chất lượng công tác bảo trì đối với công trình đầu tư xây dựng và quản lý khai thác theo hình thức đối tác công tư phải thực hiện theo khoản 1 Điều này và các quy định sau:

a) Việc phân định trách nhiệm của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết thực hiện hợp đồng dự án đối tác công tư và Doanh nghiệp dự án đối với công tác quản lý chất lượng bảo trì thực hiện theo quy định tại Thông tư này, quy định của Bộ Xây dựng, quy định của pháp luật có liên quan và quy định trong Hợp đồng;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án đối tác công tư tổ chức kiểm tra doanh nghiệp dự án trong việc thực hiện công tác bảo trì để đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật, quy định trong Hợp đồng dự án và quy định tại Thông tư này; nếu phát hiện vi phạm chất lượng, vi phạm tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình đã được duyệt thì phải xử lý theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định trong Hợp đồng dự án.

Trường hợp vi phạm chất lượng trong giai đoạn vận hành khai thác, bảo trì công trình ở mức độ nặng, nghiêm trọng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì hoặc các vi phạm ảnh hưởngđến an toàn giao thông nhưng không được khắc phục kịp thời, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án quyết định đình chỉ việc khai thác công trình, đình chỉ thu giá sử dụng đường bộ cho đến khi doanh nghiệp dự án hoàn thành việc khắc phục vi phạm và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình.

3. Tài liệu phục vụ bảo trì công trình đường bộ và hồ sơ bảo trì công trình đường bộ được lập theo quy định tại khoản 8 và 9 Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và quy định của Thông tư này.

4. Thời hạn bảo hành công tác sửa chữa công trình đường bộ theo quy định của khoản 4 và 5 Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

5. Trường hợp công trình đường bộ có yêu cầu về quan trắc hoặc phải kiểm định chất lượng thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 7  Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và quy định của Thông tư này.

**Điều 22. Thực hiện bảo trì đối với công trình đường bộ đang khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì**

1. Đối với công trình đường bộ đang khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì, cơ quan quản lý đường bộ thực hiện các công việc sau:

a) Lập, trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 8 của Thông tư này phê duyệt kế hoạch xây dựng quy trình bảo trì đối với các công trình đường bộ đã đưa vào khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này;

b) Khảo sát, kiểm tra và đánh giá chất lượng hiện trạng công trình đường bộ;

c) Tổ chức lập quy trình bảo trì, trình cơ quan có thẩm quyền quy định, tại Điều 8 của Thông tư này để thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì;

d) Trong thời hạn chưa ban hành quy trình bảo trì, cơ quan quản lý đường bộ, nhà thầu bảo trì công trình đường bộ thực hiện bảo trì công trình theo quy định tại điểm đ khoản 2 và khoản 4 Điều 38 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và quy định của Thông tư này.

2. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng, người quản lý, sử dụng công trình đường bộ thực hiện các công việc quy định tại các điểm b, c và điểm d khoản 1 Điều này đối với công trình do mình quản lý, sử dụng.

**Điều 23. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng**

1. Cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp dự án quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì công trình đường bộ, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình đường bộ, nhà thầu bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ và tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ có trách nhiệm:

b) Khi phát hiện công trình, bộ phận công trình đường bộ có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng phải thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP bao gồm:

- Kiểm tra lại hiện trạng công trình;

- Tổ chức kiểm định chất lượng công trình (nếu thấy cần thiết);

- Quyết định các biện pháp khẩn cấp như hạn chế sử dụng công trình, hạn chế tải trọng, hạn chế tốc độ, ngừng khai thác sử dụng công trình, di chuyển người, phương tiện giao thông và tài sản để đảm bảo an toàn nếu công trình có nguy cơ sập đổ;

- Báo cáo ngay với chính quyền địa phương nơi gần nhất; đối với các trường hợp thuộc hệ thống đường trung ương, ngoài việc báo cáo chính quyền địa phương nơi gần nhất, còn phải báo cáo ngay với Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

- Sửa chữa những hư hỏng có nguy cơ làm ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, an toàn vận hành của công trình.

Trường hợp cần phá dỡ công trình phải báo cáo cấp có thẩm quyền và thực hiện các thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Điều 30 Nghị định 10/2013/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

c) Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các công việc quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

d) Khi nhận được thông tin về bộ phận công trình, công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng phải áp dụng các biện pháp an toàn nêu tại Điểm c khoản 1 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. Trường hợp không sử lý kịp thời, gây thiệt hại về người và tài sản thì phải chịu trác nhiệm trước pháp luật.

2. Khi phát hiện hoặc nhận được thông tin bộ phận công trình, công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng thì chính quyền  địa phương có trách nhiệm thực hiện các quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều này.

3.  Mọi công dân đều có quyền thông báo cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình, cơ quan quản lý nhà nước hoặc các phương tiện thông tin đại chúng biết khi phát hiện bộ phận công trình, công trình đường bộ xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng để xử lý kịp thời.

**Điều 24. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp**

1. Công trình đường bộ hết thời hạn sử dụng thì cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải thực hiện các công việc quy định tại Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Các công trình đường bộ hết thời hạn sử dụng thì cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và quy định tại khoản 5 Điều 20 Thông tư này.

3. Việc quyết định thời hạn tiếp tục sử dụng công trình được căn cứ vào tình trạng kỹ thuật, yêu cầu sử dụng cụ thể, loại và cấp công trình.

4. Các trường hợp không tiếp tục sử dụng đối với công trình hết thời hạn sử dụng và việc phá dỡ khi công trình không tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 45 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

**Điều 25. Áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật trong bảo trì công trình đường bộ**

1. Việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong bảo trì công trình đường bộ theo quy định tại Điều 6 Luật Xây dựng và Điều 6 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Việc áp dụng và tổ chức xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật trong bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2015/NĐ-CP, Điều 42 và Điều 53 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và quy định của Bộ Xây dựng.

**Điều 26. Chế độ báo cáo thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ**

1. Đối với hệ thống đường trung ương, việc báo cáo thực hiện như sau :

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ định kỳ từng quý trước ngày 22 của các tháng 3, 6, 9 và báo cáo năm trước ngày 22 tháng 12.

b) Cục Quản lý đường bộ và Sở Giao thông vận tải nhận quản lý quốc lộ báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ từng quý trước ngày 15 của các tháng 3, 6 và 9 và báo cáo năm trước ngày 15 tháng 12;

c) Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình đường bộ định kỳ từng quý trước ngày 10 của các tháng 3, 6, 9 và báo cáo năm trước ngày.

d) Doanh nghiệp dự án đối tác công tư, doanh nghiệp được nhà nước giao đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng công trình đường bộ báo cáo tình hình quản lý khai thác công trình đường bộ cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam đối với hệ thống đường trung ương, Sở Giao thông vận tải đối với hệ thống đường tỉnh và được khác do Sở Giao thông vận tải quản lý, Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đường huyện, đường xã.

Thời điểm báo cáo quý trước ngày 15 các tháng 3, 6 và 9, báo cáo năm trước ngày 15 tháng 12.

2. Đối với hệ thống đường địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung và trách nhiệm báo cáo của các cơ quan quản lý đường bộ ở địa phương.

3. Chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng báo cáo Sở Giao thông vận tải định kỳ hàng năm về tình hình quản lý, bảo trì đường chuyên dùng.

Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường địa phương, đường chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý định kỳ hàng năm trước ngày 08 tháng 01 của năm tiếp theo.

4. Ngoài báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến công trình đường bộ hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Nội dung báo cáo phải nêu đầy đủ các thông tin sau: tên công trình, hạng mục công trình thực hiện; khối lượng và kinh phí thực hiện; thời gian hoàn thành; những điều chỉnh, phát sinh so với kế hoạch được duyệt; đánh giá kết quả thực hiện (theo kế hoạch được duyệt); đề xuất và kiến nghị trong quá trình thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ (theo Biểu mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục III của Thông tư này).

**Điều 27. Nguồn kinh phí quản lý, bảo trì công trình đường bộ**

1. Quỹ bảo trì đường bộ theo quy định của pháp luật, vốn ngân sách nhà nước, vốn ODA, các nguồn vốn từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

2. Các nguồn vốn khác theo quy định tại Điều 49 Luật Giao thông đường bộ,  Điều 42 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 28. Chi phí bảo trì công trình đường bộ**

1. Nội dung các khoản mục chi phí liên quan đến thực hiện bảo trì công trình đường bộ bao gồm

a) Chi phí lập; thẩm tra, thẩm định quy trình bảo trì công trình và định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác bảo trì công trình đường bộ;

b) Chi phí lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ (bao gồm cả chi phí khảo sát; chi phí lập, thẩm tra và thẩm định kế hoạch bảo trì công trình đường bộ);

c) Chi phí kiểm tra công trình thường xuyên, định kỳ và đột xuất;

d) Chi phí quan trắc công trình đường bộ đối với công trình có yêu cầu quan trắc;

đ) Chi phí bảo dưỡng công trình đường bộ;

e) Chi phí kiểm định chất lượng công trình khi cần thiết;

g) Chi phí sửa chữa công trình định kỳ và đột xuất;

h) Chi phí lập, quản lý hồ sơ bảo trì công trình đường bộ và cập nhật cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

i) Chi phí thực hiện các công việc khác liên quan đến quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ theo quy định của pháp luật.

2. Việc xác định chi phí thực hiện bảo trì công trình đường bộ theo quy định của pháp luật có liên quan và các quy định của Thông tư này.

**Chương 5.**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 29. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày     tháng năm 2018 và thay thế Thông tư số [52/2013/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=10/2010/TT-BGTVT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì đường bộ và Thông tư số 20/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [52/2013/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=10/2010/TT-BGTVT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì đường bộ .

**Điều 30. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng thuộc Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản, gửi về Tổng cục Đường bộ Việt Nam để hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***    - Như khoản 1 Điều 30;  - Văn phòng Trung ương Đảng;  - Văn phòng Tổng bí thư;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước; - Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ,   Cơ quan thuộc Chính phủ; - UBND và Sở GTVT các tỉnh,   thành phố  trực thuộc TW; - Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp); - Công báo;  - Cổng thông tin điện tử Chính phủ; - Trang thông tin điện tử Bộ GTVT; - Báo GT, Tạp chí GTVT;  - Lưu KCHTGT, VT () | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Lê Đình Thọ** |

**Phụ lục I**

CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ BẮT BUỘC PHẢI THỰC HIỆN QUAN TRẮC TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số      /2018/TT-BGTVT ngày … tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại công trình** | | **Cấp công trình (1)** |
| 1 | Công trình đường bộ trong đô thị | Cầu đường bộ | Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 và Phụ lục số VI Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. |
| Hầm đường bộ |
| 2 | Công trình đường bộ ngoài đô thị | Cầu đường bộ | Cấp đặc biệt, cấp I |
| Hầm đường bộ | Cấp đặc biệt, cấp I |
| 3 | Nút giao thông lập thể |  | Cấp đặc biệt, cấp I |
| 4 | Tường chắn |  | Cấp I, cấp II |
| 5 | Cầu phao |  | Cấp I, cấp II |
| 6 | Bến phà đường bộ |  | Cấp đặc biệt, cấp I và II |

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

***Ghi chú :***

(1) Cấp công trình xác định theo Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

**Phụ lục II**

BIỂU MẪU KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số  …. /2018/TT-BGTVT ngày    tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Đơn vị thực hiện:…………**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Hạng mục công trình | Đơn vị tính | Khối lượng chủ yếu | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Quy mô sửa chữa, bảo trì | Thời gian thực hiện | Phương thức thực hiện | Mức độ ưu tiên | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Bảo dưỡng thường xuyên** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Sửa chữa định kỳ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Công trình chuyển tiếp* |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Công trình làm mới* |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Sửa chữa đột xuất** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Công tác khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **CHI TIẾT** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **A** | **Bảo dưỡng thường xuyên** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Tên Quốc lộ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | BDTX đường |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | BDTX cầu lớn |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** | **Sửa chữa định kỳ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Tên Quốc lộ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *a* | *Công trình chuyển tiếp* |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *………………* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *b* | *Công trình làm mới* |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | …………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C** | **Sửa chữa đột xuất** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Tên Quốc lộ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……………… |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D** | **Công tác khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……………… |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

1. Cột (10). Ghi mức độ ưu tiên 1 đối với trường hợp rất cần thiết, ưu tiên 2 với trường hợp cần thiết.

2. Cột 5. Kinh phí thực hiện được xác định như sau:

a, Bảo dưỡng thường xuyên: căn cứ khối lượng công việc cần bảo dưỡng thường xuyên; định mức công tác bảo dưỡng thường xuyên do Bộ Giao thông vận tải ban hành; các quy định lập, quản lý chi phí xây dựng công trình và quy định lập, quản lý chi phí  bảo trì của cơ quan thẩm quyền;

b, Sủa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất;

- Căn cứ khối lượng cần thực hiện (xác định từ thiết kế), định mức xây dựng do cơ quan thẩm quyền ban hành và quy định về lập, quản lý chi phí xây dựng do cơ quan thẩm quyền;

- Hoặc ước tính khi chưa lập được dự án (báo cáo kinh tế kỹ thuật) trong trường hợp sửa chữa đột xuất nêu tại điểm a, khoản 5 Điều 19 Thông tư này.

C) Chi phí dự phòng do yết tố trượt giá của năm thực hiện bảo trì trong tương lai;

- Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, cải tạo hoặc làm mới công trình đường bộ có trách nhiệm xác định kinh phí bảo trì (nêu tại điểm b, c trên) bao gồm cả chi phí trượt giá của các năm thực hiện bảo trì trong tương lai cho cả vòng đời của dự án; trong đó tỷ lệ trượt giá và cách tính chi phí trượt giá được xác định thống nhất như đối với khối lượng nâng cấp, mở rộng hoặc làm mới của dự án.

- Chi phí trượt giá này được tính bổ sung vào chi phí dự phòng trong Tổng mức đầu tư dự án được xác định theo quy định lập, quản lý chi phí xây dựng của cơ quan thẩm quyền.**Phụ lục III**

MẪU BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số  …. /2018/TT-BGTVT ngày    tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ (tháng/năm)**

**Đơn vị thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Hạng mục công việc | Đơn vị | Khối lượng | Kinh phí (triệu đồng) | Thời gian thực hiện | Những điều chỉnh so với kế hoạch được giao | Mức độ hoàn thành (%) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục IV**

**THỜI GIAN SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số             /2018/TT-BGTVT ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải)*

1. Thời gian sửa chữa định kỳ lớp mặt đường ô tô bao gồm sửa chữa vừa và sửa chữa lớn được xác định theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế; hoặc theo quy trình bảo trì; hoặc được xác định trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá tình trạng hư hỏng, xuống cấp mặt đường, hoặc sử dụng kết quả khảo sát kết hợp với phần mềm và thuật toán dự đoán mô hình xuống cấp mặt đường để xác định thời hạn cần sửa chữa định kỳ. Khi thực hiện sửa chữa định kỳ phải khảo sát, lập dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình, lập thiết kế, dự toán và thẩm định, phê duyệt theo quy định tại  khoản 4 Điều 39 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP

2. Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư :

2.1 - Trường hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế công trình chưa quy định thời hạn sửa chữa định kỳ; hoặc thực tế chưa đủ điều kiện để xác định khối lượng sửa chữa làm cơ sở lập dự toán chi phí bảo trì thì có thể tham khảo số liệu trong bảng dưới đây để tính toán so sánh về kinh tế - kỹ thuật khi lập dự án, xác định thời hạn sửa chữa định kỳ và kinh phí bảo trì trong phương án tài chính của dự án xây dựng công trình đường bộ đầu tư theo hình thức đối tác công tư :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại tầng mặt áo đường | Khoảng thời gian tính theo năm | | Tỷ lệ % kinh phí sửa chữa so với vốn xây dựng | |
| Sửa chữa lớn (đại tu) | Sửa chữa vừa (trung tu) | Sửa chữa lớn (đại tu) | Sửa chữa vừa (trung tu) |
| Bê tông nhựa  Đá dăm trộn nhựa  Thấm nhập nhựa  Đá dăm  Cấp phối  Bê tông xi măng | 15  12  10  5  5  25 | 5  4  4  3  3  8 | 42,0  48,7  49,6  53,1  55,0  34,2 | 5,1  7,9  8,7  9,0  10,0  4,1 |

2.2. Các dữ liệu trong bảng được tham khảo từ tiêu chuẩn thiết kế áo đường TC-21193 về lập, quản lý chi phí xây dựng công trình.

3. Trong quá trình khai thác:

a) Thời hạn sửa chữa định kỳ được nêu trong bảng của mục 2 Phụ lục này sẽ được xem xét thay đổi khi tải trọng, lưu lượng khai thác khác với thiết kế, công trình chịu tác động của các nguyên nhân bất khả kháng và các nguyên nhân khách quan khác.

b) Khi thực hiện bảo trì công trình cho dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; doanh nghiệp dự án phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì theo quy định tại Điều 18 Thông tư này; dự toán chi phí sửa chữa định kỳ, dự toán chi phí bảo dưỡng thường xuyên được lập theo quy định nhưng không vượt giá trị trong hợp đồng dự án và quy định ở bảng của mục 2 Phụ lục này. Trường hợp vượt giá trị trong hợp đồng hoặc giá trị được xác định theobảng trên phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận.

c) Trường hợp công trình hư hỏng xuống cấp không bảo đảm an toàn cho khai thác sử dụng trước khi đến thời hạn sửa chữa định kỳ, phải tổ chức kiểm tra, khảo sát đánh giá và kiểm định (nếu cần) để xác định nguyên ngân hư hỏng xuống cấp; Người quản lý, sử dụng công trình đường bộ; doanh nghiệp dự án; hoặc các đơn vị tư vấn, nhà thầu trong cả giai đoạn đầu tư, xây dựng cũng như trong giai đoạn bảo trì có lỗi trong việc để công trình hư hỏng xuống cấp có trách nhiệm tự khắc phục (bao gồm cả kinh phí khắc phục tương ứng phần trách nhiệm của mình).

**Phụ lục V**

**DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT, ĐỊNH MỨC VÀ CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN QUY ĐỊNH VỀ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐƯỜNG BỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số             /2018/TT-BGTVT ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải)*

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN.

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường cao tốc TCCS 17:2017/TCĐBVN.

3. Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

4. Tiêu chuẩn thiết kế 22TCN 211-06 Áo đường mềm - Các yêu cầu thiết kế.

5. Tiêu chuẩn thiết kế 22TCN 223-95 Áo đường cứng đường ô tô.

6. Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường cao tốc ban hành theo quyết định 2744/QĐ-BGTVT ngày 30/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

7. Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ ban hành theo Quyết định 3409/QĐ-BGTVT ngày 08/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

8. Thông tư số 03/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

9. Quyết định số 2196/QĐ-BGTVT ngày 29/7/2013 ban hành quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.